

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2013**

THÁNG 03 NĂM 2014

MỤC LỤC

A.- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	2
I.- THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Quá trình hình thành và phát triển	2
3. Ngành nghề kinh doanh	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	7
II.- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tài chính & lợi nhuận)	9
3. Tổ chức và nhân sự	10
4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết.....	11
5. Tình hình tài chính	13
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	15
III.- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2. Tình hình tài chính	17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	17
IV.- QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
V.- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	21
1. Ý kiến kiểm toán	21
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	22
B.- BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	27

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA**

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA
Tên giao dịch quốc tế : BIBICA CORPORATION
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103010755
Vốn điều lệ : 154,207.820.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 154,207.820.000 đồng
Địa chỉ : 443, Lý Thường Kiệt, F8, Q. Tân Bình, Tp HCM
Số điện thoại : 84.8.39717920
Số fax : 84.8.39717922
Website : www.bibica.com.vn
Mã cổ phiếu : BBC

2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Giai đoạn 1999 đến 2000: thành lập Công ty

- Ngày 16/01/1999, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa với thương hiệu Bibica được thành lập từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: bánh, kẹo và mạch nha của Công ty Đường Biên Hoà.
- Trụ sở của công ty đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.
- Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: Bánh, kẹo, mạch nha.
- Vốn điều lệ Công ty vào thời điểm ban đầu là 25 tỉ đồng.
- Cũng trong năm 1999, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất thùng carton và khay nhựa để phục vụ sản xuất, đồng thời dây chuyền sản xuất kẹo mềm cũng được đầu tư mở rộng và nâng công suất lên đến 11 tấn/ngày.

❖ Giai đoạn 2000 đến 2005: tăng vốn điều lệ để chủ động sản xuất, thành lập thêm nhà máy thứ 2 tại Hà Nội.

- Bắt đầu từ năm 2000 Công ty phát triển hệ thống phân phối theo mô hình mới. Các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ lần lượt được thành lập để kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong cả nước.
- Năm 2000 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh snack nguồn gốc Indonesia với công suất 2 tấn/ngày.

- Tháng 2 năm 2000, Công ty vinh dự là đơn vị đầu tiên trong ngành hàng bánh kẹo Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 của tổ chức BVQI Anh Quốc.
- Tháng 3 năm 2001, Đại Hội Cổ Đông nhất trí tăng vốn điều lệ từ 25 tỉ đồng lên 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tích lũy sau 2 năm hoạt động với pháp nhân Công Ty Cổ Phần.
- Tháng 7 năm 2001, Công ty kêu gọi thêm vốn cổ đông, nâng vốn điều lệ lên 56 tỉ đồng.
- Tháng 9 năm 2001, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh trung thu và cookies nhân công suất 2 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 5 tỉ đồng.
- Ngày 16/11/2001, Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ đầu tháng 12/2001.
- Cuối năm 2001, Công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh Bông Lan kem Hura cao cấp nguồn gốc Châu Âu, công suất 1,500 tấn/năm, với tổng mức đầu tư lên đến 19,7 tỷ đồng.
- Tháng 4 năm 2002, Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II được khánh thành tại khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.
- Tháng 10 năm 2002, Công ty chính thức đưa vào vận hành dây chuyền chocolate với công nghệ hiện đại của Anh Quốc. Sản phẩm Chocobella của Bibica nhanh chóng trở nên thân thiết với người tiêu dùng trong nước và được xuất khẩu sang các thị trường như: Nhật Bản, Bangladesh, Singapore...
- Cuối năm 2002, Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng dây chuyền Snack nâng công suất lên 4 tấn/ngày.
- Bước sang năm 2004, Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP. Đồng thời, năm này cũng đã đánh dấu một bước phát triển mới cho hệ thống sản phẩm Công ty trong tương lai. Công ty đã kí hợp đồng với Viện Dinh Dưỡng Việt Nam để phối hợp nghiên cứu sản xuất những sản phẩm dinh dưỡng, đáp ứng mong muốn sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng.
- Vào năm đầu năm 2005, với sự tư vấn của Viện Dinh Dưỡng Việt Nam, Công ty cho ra đời dòng sản phẩm dinh dưỡng:
 - o Bánh dinh dưỡng Growsure cho trẻ em độ tuổi ăn dặm từ trên 6 tháng.
 - o Bánh dinh dưỡng Mumsure cho phụ nữ có thai và cho con bú



- Bánh Trung thu dinh dưỡng cho người ăn kiêng và bệnh tiểu đường
- Bánh bông lan kem Hura light, bột dinh dưỡng ngũ cốc Netsure light, Choco Bella Light, kẹo Yelo cho người ăn kiêng, bệnh tiểu đường.
- Sản phẩm “light” là dòng sản phẩm rất đặc biệt. Trước khi đi đến kết luận sản phẩm phù hợp với người ăn kiêng và người bệnh tiểu đường, Công ty đã có những công trình nghiên cứu rất công phu. Các sản phẩm này được sự tư vấn và thử nghiệm lâm sàng bởi Viện Dinh Dưỡng Việt Nam. Sự khác biệt trong các sản phẩm này là thành phần đường thường được thay thế bằng nguyên liệu đường đặc biệt Isomalt. Ngoài ra, sản phẩm còn được bổ sung nhiều loại Vitamin, khoáng chất khác.
- Giữa năm 2005, Công ty mở rộng đầu tư sang lĩnh vực đồ uống và cho ra đời sản phẩm bột ngũ cốc với thương hiệu Netsure và Netsure “light”, đồng thời đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh mì tươi tại Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II, Hà Nội.
- Cũng trong năm 2005: hợp tác sản xuất với Công ty cổ phần công nghiệp thực phẩm Huế với 27% vốn cổ phần và phối hợp sản xuất nhóm sản phẩm Custard cake với thương hiệu Paloma.
- ❖ **Giai đoạn 2006 đến 2010: mở rộng lĩnh vực sản xuất (SP dinh dưỡng, đồ uống), đầu tư thêm nhà máy thứ 3 tại Bình Dương.**
- Bước vào năm 2006, Công ty triển khai xây dựng nhà máy mới trên diện tích 4 ha tại khu công nghiệp Mỹ Phước I, tỉnh Bình Dương. Giai đoạn 1 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh bông lan kem Hura cao cấp nguồn gốc châu Âu công suất 10 tấn/ngày.
- Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa chính thức đổi tên thành “Công Ty Cổ Phần Bibica” kể từ ngày 17/1/2007.
- Tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 22/9/2007, Công ty đã điều chỉnh và bổ sung kế hoạch phát hành 9,63 triệu cổ phần giai đoạn 2 trong tổng số 11,4 triệu cổ phần phát hành thêm trong năm 2007 của Công ty.
- Ngày 4/10/2007, Lễ ký kết Hợp đồng Hợp tác chiến lược giữa Bibica và Lotte đã diễn ra, theo chương trình hợp tác, Bibica đã chuyển nhượng cho Lotte 30% tổng số cổ phần (khoảng 4,6 triệu cổ phần). Tập đoàn Lotte - Hàn Quốc là 1 trong những tập đoàn bánh kẹo lớn nhất tại châu Á, sau khi trở thành đối tác chiến lược, Lotte hỗ trợ Bibica trong lĩnh vực công nghệ, bán hàng và tiếp thị, nghiên cứu phát triển; phối hợp với Bibica thực hiện dự án Công ty Bibica Miền Đông giai đoạn 2 (Bình Dương) tạo điều kiện giúp Bibica mở rộng và phát triển kinh doanh trong lĩnh vực bánh kẹo và trở thành một trong những công ty sản xuất kinh doanh bánh kẹo hàng



md

đầu Việt Nam. Đồng thời, Lotte cung cấp cho Bibica sự hỗ trợ thương mại hợp lý để Bibica nhập khẩu sản phẩm của Lotte, phân phối tại Việt Nam, cũng như giúp Bibica xuất khẩu sản phẩm sang Hàn Quốc.

- Từ cuối năm 2007, Bibica đầu tư vào tòa nhà 443 Lý Thường Kiệt, TP.HCM. Địa điểm này trở thành trụ sở chính thức của Công ty từ đầu năm 2008.
- Tháng 3/2008, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, lần đầu tiên có sự tham dự của cổ đông lớn Lotte.

Đại hội đã thông qua Ban lãnh đạo mới, trong đó:

- o Ông Dong Jin Park đại diện phần vốn Lotte giữ chức chủ tịch HĐQT.
- o Ông Trương Phú Chiến giữ vị trí phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty CP Bibica kể từ ngày 01/3/2008
- Tháng 03/2009, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, đại hội đã thông qua ban lãnh đạo mới, trong đó: Ông Jung Woo, Lee đại diện phần vốn Lotte giữ chức Chủ tịch HĐQT
- Tháng 04/2009 Công ty khởi công xây dựng dây chuyền sản xuất bánh Chocopie cao cấp tại Bibica Miền Đông, đây là dây chuyền được đầu tư trên cơ sở sự hợp tác của Bibica và đối tác chiến lược là Tập đoàn Lotte Hàn Quốc, sản xuất bánh Chocopie theo công nghệ của Lotte Hàn Quốc. Dây chuyền Chocopie là dây chuyền liên tục, đồng bộ, hiện đại hàng đầu Châu Á. Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn 2 khoảng 300 tỉ đồng, chính thức đi vào hoạt động vào cuối tháng 02/2010.
- Tháng 10/2009 Công ty đã đầu tư xây dựng khu nhà tập thể cho CBCNV tại Bibica Miền Đông, tại KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát, Bình Dương với số vốn đầu tư khoảng 5 tỉ đồng, dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 03/2010.
- Tháng 11/2009 Công ty mạnh dạn đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử M-Office nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tiết giảm tối đa các chi phí về hành chính và văn phòng phẩm.
- ❖ **Giai đoạn 2011 đến nay: Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, trở thành công ty sản xuất bánh kẹo hàng đầu tại Việt Nam**
- Với tầm nhìn trở thành công ty sản xuất bánh kẹo hàng đầu Việt Nam, với doanh số 3.000 tỉ và chiếm thị phần 30% vào năm 2018, trong năm 2011 Công ty đã cải tổ toàn diện hệ thống bán hàng, mở thêm nhà phân phối, tăng số lượng nhân sự bán hàng và đầu tư phần mềm quản lý hệ thống bán hàng. Kết quả doanh số năm 2011 của Công ty đạt con số trên 1.000 tỉ.
- Năm 2012 Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS (quản lý online) và hoàn thiện hệ thống đánh giá cho lực lượng bán hàng và nhà phân phối.
- Cũng trong năm 2012 Công ty nâng cấp hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP lên phiên bản ERP R12 với kinh phí 4 tỉ đồng và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2012.
- Cho tới nay, Công ty CP Bibica đã được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt nam chất lượng cao suốt 15 năm liên tục.

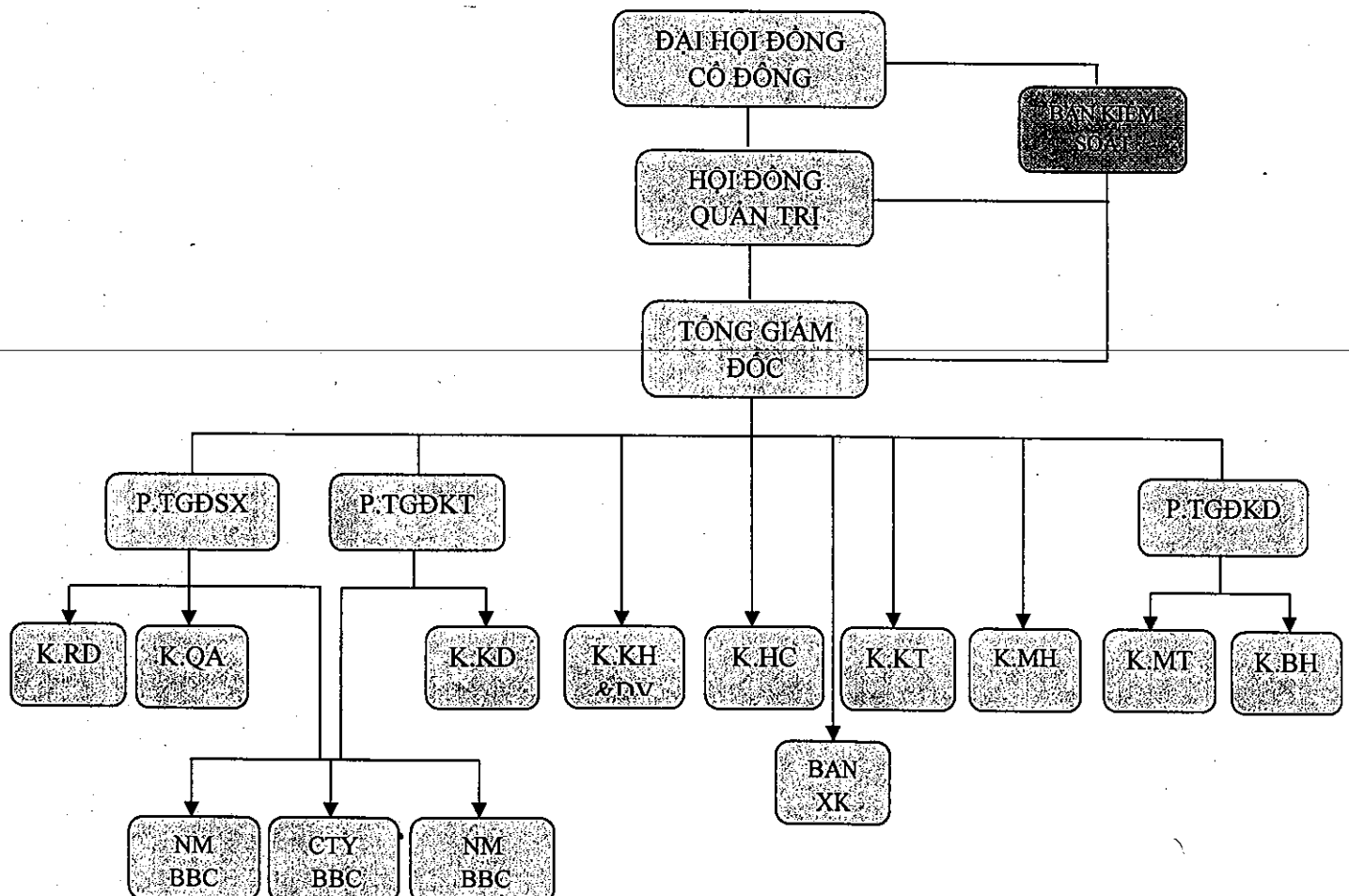
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa.



- Địa bàn kinh doanh: Bibica hiện có 117 Nhà phân phối, đại lý và 250 chuỗi siêu thị tại khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và xuất khẩu sang các thị trường châu á, châu âu, châu mỹ

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



mu

5. Định hướng phát triển

- **Tầm nhìn: ĐẾN NĂM 2018 TRỞ THÀNH CÔNG TY BÁNH KẸO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**
 - Doanh thu : 2.500 tỷ đồng
 - Thị phần : 15%
- **Sứ mạng:**
 - Lợi ích người tiêu dùng : Giá trị dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm
 - Lợi ích xã hội : Mang đến 1000 xuất học bổng, 100 phòng học
- **Kế hoạch 3 năm 2014 – 2016:**

2016		
2015		
2014		
Target: DT 1.250 tỷ tăng 19%; thị phần 11%	Target: DT 1.600 tỷ tăng 28%; thị phần 12%	DT 2.010 tỷ tăng 26%; thị phần 13%
Sản xuất	Sản xuất	Sản xuất
- Cải tiến chất lượng sản phẩm LottePie. - Ứng dụng sản xuất kem nấu cho bánh Pie. - Nâng. cao chất lượng sản phẩm bánh goody và chất lượng hương trong kẹo. - Tăng năng suất sản xuất Hura Deli lên 20%. - Nghiên cứu đưa dòng sản phẩm Kẹo thảo dược vào sản xuất.	- Kết hợp sản xuất bột sản tươi với dây chuyền nha. - Đầu tư dây chuyền sản xuất kẹo mềm hoàn chỉnh. - Nâng công suất dây chuyền swissroll tăng 50%. - Nâng công suất dây chuyền bánh trung thu nướng tại NMBH tăng 50%	- Đầu tư và khai thác dây chuyền sản xuất bánh tại Hưng yên với công suất 20 tấn/ngày - Đầu tư và khai thác dây chuyền sản xuất Creal bar tại - Hưng Yên với công suất 500kg/giờ
Sản phẩm	Sản phẩm	Sản phẩm
- Xây dựng nhãn chủ lực >= 100 tỷ: Hura layecake, Hura Swissroll, Hura Deli, LottePie, Goody, Sumika, Trung thu. - Qui hoạch lại nhãn kẹo, phát triển mới nhãn kẹo cao cấp Michoco và dòng kẹo thảo dược. - Phát triển thêm SKUs cho dòng sản phẩm dinh dưỡng	- Phát triển nhóm sản phẩm glucose, fructose khách hàng công nghiệp - Nâng cấp công nghệ sản xuất kẹo mềm	- Triển khai tung dòng sản phẩm mới Cupcake - Triển khai tung dòng sản phẩm mới Cereal bar

Bán hàng:	Bán hàng:	Bán hàng:
• Xây dựng kênh bán hàng chuyên dinh dưỡng tại 6 TP lớn • Phát triển đội bán hàng Direct sale • Xây dựng 666 shop Bibica • Phục hồi thị trường Campuchia và phát triển thị trường Myanmar • Xây dựng chính sách công nợ cho NPP thông qua hình thức thấu chi hoặc bảo lãnh ngân hàng	• Nâng cấp hệ thống nhà phân phối chiến lược của Bibica. • Nâng cấp công cụ hỗ trợ nhân viên bán hàng bằng thiết bị PDA	Nâng cấp hệ thống nhà phân phối chiến lược của Bibica.

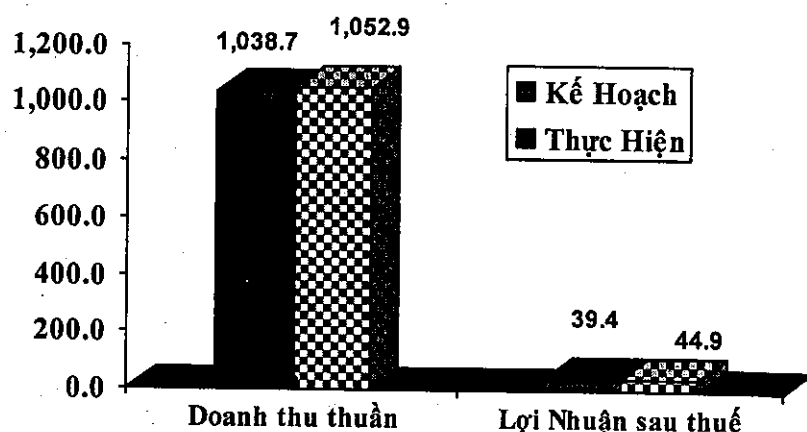
II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

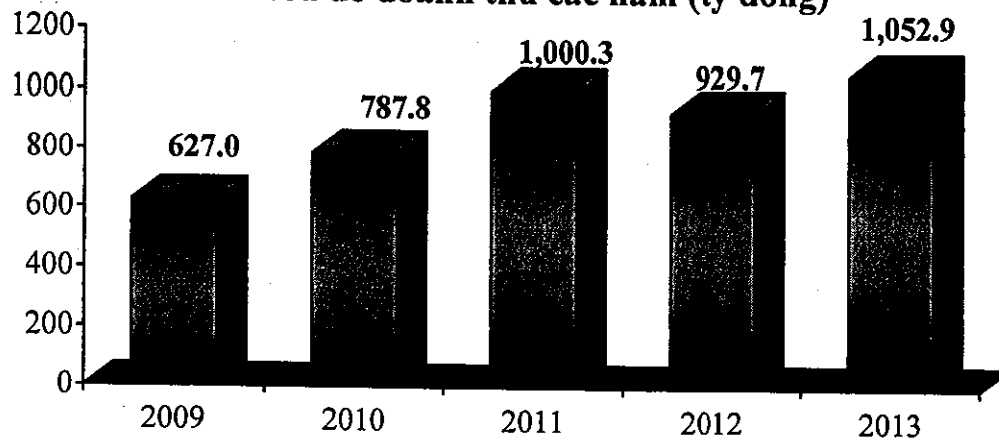
- Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Tăng trưởng khu vực đồng tiền chung châu Âu, đặc biệt là các nước đang chịu ảnh hưởng của nợ công vẫn còn mờ nhạt, tác động không nhỏ đến sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, các yếu tố nội tại cũng chưa được giải quyết triệt để như hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong điều kiện sức mua nội địa yếu Công ty đã có nhiều chính sách hỗ trợ điểm bán nhập hàng để gia tăng doanh số. Tuy vậy:
- Giá nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định, trong năm 2013 Công ty tiếp tục nhận được hạn mức nhập khẩu đường 1500 tấn, với giá bình quân nhập về thấp hơn giá đường nội địa 15%, và công ty đã áp dụng thành công chính sách khoán lương sản phẩm góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận so với năm 2012.
- Tình hình sản xuất tại các Nhà máy Cty ổn định, thu nhập bình quân của người lao động tăng 5% so với năm 2012.
- Tình hình tài chính lành mạnh, không chịu áp lực vay với lãi suất cao.
- Đánh giá chung công ty đã hoàn thành được kế hoạch đề ra.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính & lợi nhuận so với KH):

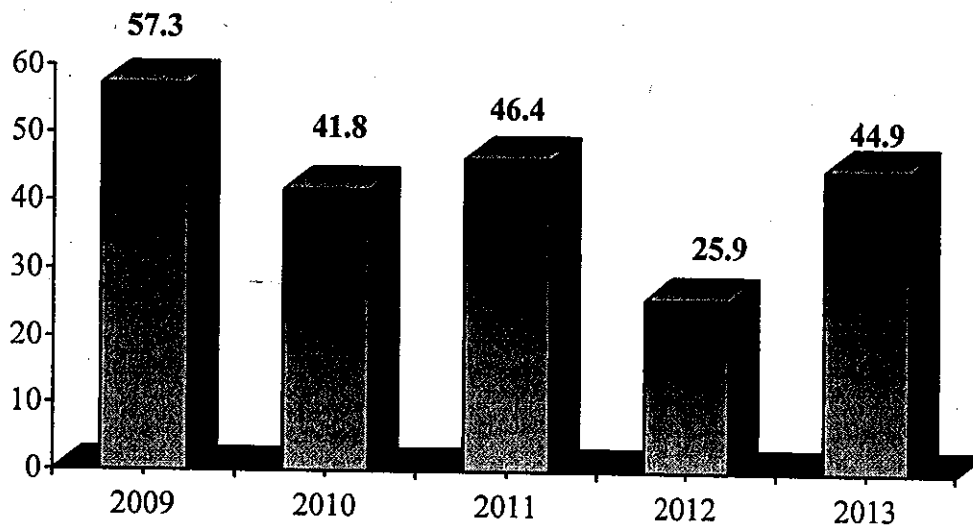
Doanh Thu - Lợi Nhuận (tỷ đồng)



Biểu đồ doanh thu các năm (tỷ đồng)



Biểu Đồ Lợi Nhuận sau thuế (tỷ đồng)



3. Tổ chức và nhân sự

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Thành tích chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1.	Ông Trương Phú Chiến	1964	Tổng Giám đốc Công ty	Cử nhân Kinh tế	26 năm
2.	Ông Phan Văn Thiện	1965	Phó TGD Kỹ thuật	Kỹ sư Nhiệt	22 năm
3.	Ông Nguyễn Quốc Hoàng	1967	Phó TGD Sản xuất	Cử nhân QTKD	21 năm
4.	Ông Lê Võ An	1972	Phó TGD Kinh doanh	Kỹ sư Hóa TP	17 năm
5.	Ông Seok Hoon Yang	1967	Giám Đốc tài Chính	Cử nhân QTKD	23 năm
6.	Bà Ngô Thị Kim Phụng	1981	Kế Toán trưởng	Cử nhân TCKT	08 năm
7.	Ông Trần Đức Tuyên	1968	Giám đốc Khối KH&DV	Cử nhân kinh tế	18 năm
8.	Ông Nguyễn Công Thành	1975	Giám đốc Khối HCNS	Kỹ sư BHLĐ Cử nhân QTKD	14 năm

SĐT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Tham gia công tác	Thời gian công tác
9.	Ông Trần Ngọc Vũ Huy	1970	Giám đốc Khối Mua hàng	Kỹ sư Hóa TP	18 năm
10.	Ông Nguyễn Trọng Kha	1972	Giám đốc Khối NCPT	Kỹ sư Hóa TP	17 năm
11.	Ông Đạo Ngọc Huy	1972	Giám đốc Khối KTĐT	Kỹ sư Điện CN	18 năm
12.	Ông Phạm Sơn Hà	1973	Giám đốc Khối BH	Cử nhân QTKD	13 năm
13.	Ông Nguyễn Văn Bình	1962	Giám Đốc NM Bibica Biên Hòa	Kỹ sư Cơ khí	25 năm
14.	Ông Lê Xuân Dũng	1966	Giám đốc Công ty Bibica Miền Đông.	Kỹ sư Cơ khí	19 năm
15.	Ông Đặng Văn Đường	1975	Giám đốc NM Bibica Hà Nội	Cử nhân QTKD	13 năm

Tình hình thay đổi nhân sự trong ban điều hành:

Trong năm 2013 tình hình nhân sự Công ty có thay đổi như sau:

Nhân sự nghỉ việc:

- Ông Trần Ngọc Dũng - Giám đốc Khối Bán Hàng, nghỉ việc từ ngày 10/07/2013
- Ông Nguyễn Quan Tường Thụy - Giám đốc Khối Marketing, nghỉ việc từ ngày 01/11/2013
- Ông Ngô Hồng Thái - Giám đốc bán hàng Miền Bắc, nghỉ việc từ ngày 7/05/2013

Nhân sự bổ nhiệm mới:

- Ông Lê Võ An - Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh, kể từ ngày 19/07/2013
- Ông Phạm Sơn Hà - Giám đốc Khối BH, kể từ ngày 19/07/2013
- Trương Phú Cường - Phó Giám đốc Khối BH, kể từ ngày 08/07/2013
- Ông Nguyễn Đức Duy - Giám đốc bán hàng Miền Nam, kể từ ngày 15/04/2013

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, công nhân viên (bao gồm cả lực lượng bán hàng):

Các chỉ tiêu chính	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lao động bình quân năm	1,677	1,781	1,626	1,764	1,707
Quỹ lương, thưởng thực hiện (tỷ đồng)	72.61	91.26	107.48	124.86	127.62
BQ thu nhập (đồng/người/tháng)	4,569,094	4,742,640	6,145,557	6,883,425	7,217,787
- Trong đó lương	3,874,991	3,944,710	4,667,668	5,678,996	6,147,246
- Thưởng và các thu nhập khác	694,103	797,930	1,477,889	1,204,429	1,124,541

b. Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc (Tính đến tháng 12/2014):

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ:		
Trên đại học	4	0.23%
Đại học	248	14.53%
Cao đẳng	93	5.45%
Trung cấp, CNKT lành nghề	541	31.69%

Lao động phổ thông	821	48.10%
Theo tính chất công việc:		
Lao động trực tiếp sản xuất	665	38.96%
Lao động gián tiếp, phục vụ sản xuất	430	25.19%
Lao động lực lượng bán hàng toàn quốc	612	33.28%

c. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách tiền lương, thưởng:

- Trong năm 2013 Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương gắn với hiệu quả công việc của Cán bộ công nhân viên (CBCNV), cụ thể:
 - Đối với Cán bộ quản lý (CBQL) từ cấp trưởng bộ phận trở lên áp dụng trả lương theo KPI, trong đó KPI chiếm 20%. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các đơn vị xây dựng 5 chỉ tiêu KPI, hàng tháng Ban TGD trực tiếp đánh giá KPI của các đơn vị.
 - Đối với công nhân viên trực tiếp sản xuất từ cấp trưởng ca sản xuất trở xuống áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm. Lương sản phẩm sẽ được tính theo chuyên / phân xưởng trên cơ sở sản lượng sản xuất trong tháng và đơn giá sản phẩm công ty đã ban hành
- Công ty đã ban hành chính sách thưởng năm 2013 số 00147/TB-TGD ngày 30/01/2013:
 - Thưởng cá nhân: thưởng quý, thưởng CBQL, thưởng tháng 13, Lương hoàn thành kế hoạch năm. Cơ sở xét thưởng là kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả đánh giá cá nhân, đối với cán bộ quản lý đánh giá theo KPI, các nhân viên còn lại đánh giá theo theo 5 tiêu chí.
 - Thưởng tập thể: đưa ra mức thưởng, căn cứ các tiêu chí đánh giá để các đơn vị tự phấn đấu gồm: chấp hành nội-quy, thực hiện ISO, 5S và các kiến nghị và đề xuất tiết kiệm, hợp lý hóa sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các hạng mục đầu tư 2013:

- Hoàn tất dự án đầu tư thiết bị mở rộng công suất sản xuất kẹo dẻo từ 40 lên 80 tấn/tháng tại Nhà Máy Bibica Biên Hoà. Tháng 6/2012 đã nâng công suất từ 40 lên 60 tấn/tháng, đến tháng 3/2013 nâng công suất đạt 80 tấn/tháng.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống ERP từ R11 lên R12 đã đưa hệ thống vào vận hành chính thức từ ngày 1/1/2013.
- Đầu tư hệ thống cân tự động cho máy đóng túi kẹo nhằm thay thế hệ thống cũ đã xuống cấp chất lượng, hoạt động độ sai số cân máy đóng túi kẹo lớn và phụ tùng thế hệ cũ (trên 15 năm) nhập khẩu khó khăn giá rất cao, đồng thời cao nâng cao độ chính xác cân túi kẹo của Nhà Máy Bibica Biên Hoà và hạn chế khiếu nại khách hàng về sai số thiếu trong lượng túi kẹo.
- Đầu tư máy dò kim loại cho dây chuyền kẹo deposite của Nhà Máy Bibica Biên Hoà đáp ứng yêu cầu xuất khẩu sản phẩm kẹo cho khách hàng ở Nhật Bản.
- Đầu tư máy nén khí không dầu cho dây chuyền bánh Swissroll của Nhà Máy Bibica Biên Hoà để thay thế máy nén cũ không đáp ứng đảm bảo hoạt động an toàn cho sản xuất.
- Đầu tư máy dán- in date thùng hợp lý hoá sản xuất ở Nhà Máy Bibica Biên Hoà.

- **Bảng tổng hợp giá trị quyết toán đầu tư năm 2013**

SCTT	Hạng mục	Đơn vị đầu tư	Số lượng	Giá trị kế hoạch năm 2013	Giá trị thực hiện năm 2013
Hạng mục từ 2012 chuyển sang 2013				7.638.600.000	4.927.513.000
1	Dự án Hưng Yên giai đoạn 1	BBC MB	1	2.239.000.000	0
2	Nâng cấp ERP	VPCT	1	1.819.100.000	1.347.057.000
3	Cải tạo tăng năng xuất kẹo dẻo tăng từ 40 lên 80 tấn/tháng	NMBH	1	3.580.500.000	3.580.456.000
Hạng mục kế hoạch 2013				5.000.000.000	0
1	Dự án nâng cấp chuyển đổi lò hơi đốt ghi sang lò đốt tăng sôi	NMBH	1	5.000.000.000	0
Hạng mục đầu tư các thiết bị lẻ 2013				2.368.500.000	1.815.292.000
1	Máy in date thùng	NMBH	4	210.000.000	76.698.000
2	Máy nén gió không dầu	NMBH	1	236.000.000	145.200.000
3	Máy lạnh 6HP	NMBH	1	60.000.000	48.500.000
4	Hệ thống cân máy đóng túi kẹo	NMBH	1	1.008.200.000	968.502.000
5	Máy gói kẹo BEME 330v/p	NMBH	1	241.500.000	0
6	Tháp giải nhiệt 50RT	NMBH	1	70.000.000	60.000.000
7	Máy nén khí không dầu 10HP	NMBH	1	120.000.000	56.500.000
8	Máy dò kim loại	NMBH	1	285.000.000	285.000.000
9	Hệ thống giải nhiệt siro bánh dẻo	NMBH	1	49.400.000	49.450.000
10	Máy dán thùng	NMBH	1	42.000.000	35.700.000
11	Hệ thống tạo phòng áp suất dương phòng gói trung thu	NMBH	1	96.400.000	89.742.000
12	Máy nén khí không dầu 15HP	NMBH	1	180.000.000	0
13	Khuôn kẹo cứng quay	NMBH	1	75.000.000	0
Tổng cộng				10.007.100.000	6.486.306.000

b) Công bố và cam kết

• **Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013:**

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2013 Lần 02, HĐQT đã triển khai thực hiện :

- Nội dung 01: Đã thông qua báo cáo tài chính năm 2012
- Nội dung 02: Đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận 2012 theo nghị quyết ĐHCĐ

pre

- Nội dung 03: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2013; kết quả tham khảo phục lục đính kèm
- Nội dung 04: Đã thực hiện các hạng mục sau (chi tiết báo cáo đầu tư 2013):
 - Đầu tư tại văn phòng Công ty:
 - Đầu tư tại NM Bibica Biên Hòa:
 - Riêng dự án Hưng Yên:
- Nội dung 05: Đã thực hiện tạm hoãn việc bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty đến kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất và sớm nhất để công tác được chuẩn bị tốt hơn.
- Nội dung 06: Đã thực hiện tạm hoãn việc bầu Thành viên HĐQT đến kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất và sớm nhất để công tác được chuẩn bị tốt hơn.
- Nội dung 07: Đã thực hiện bầu mới toàn bộ 03 thành viên Ban Kiểm Soát
- Nội dung 08: HĐQT và BKS đã lựa Chọn công ty AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013
- Nội dung 09: Thù lao HĐQT: 1,5% lợi nhuận sau thuế cho 5 thành viên, đã thực hiện xong
- Nội dung 10 : Đã thực hiện thù lao BKS: 15.000.000 đồng/tháng/03 thành viên

5. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	768,377,979,362	808,294,033,063	5.2%
Doanh thu thuần	929,653,195,745	1,052,962,619,023	13.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28,952,211,850	58,504,841,534	102.1%
Lợi nhuận khác	3,511,788,290	-1,200,283,784	-134.2%
Lợi nhuận trước thuế	32,464,000,140	57,304,557,750	76.5%
Lợi nhuận sau thuế	25,885,584,791	44,880,175,418	73.4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,303	2,910	-11.9%

6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2012	Kết quả năm 2013
I	<u>Khả năng sinh lời</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần	%	2.78	4.26
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	%	16.79	29.10
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	3.37	5.55
II	<u>Khả năng thanh toán</u>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.01	2.13
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.37	1.71
III	<u>Hiệu quả hoạt động</u>			
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	20.23	16.17
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	16.5	22.6
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5.51	6.95

IV	Vòng quay tài sản cố định	Lần	2.59	3.08
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1.20	1.34
	Cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	24.64	26.40
V	Hệ số nợ trên vốn cổ phần	%	122.77	138.39
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	%	0.30	0.25
	Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	84.62	343.67
	Chứng khoán			
1	Cổ phiếu đang lưu hành	CP	15,420,782	15,420,782
	Trong đó :			
	- Cổ phiếu thường	CP	15,420,782	15,420,782
	- Cổ phiếu ưu đãi	CP		
	- Cổ phiếu ...	CP		
2	Trái phiếu đang lưu hành	TP		
	Trong đó :			
	- Trái phiếu chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu không chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu ...	TP		
3	Thư giá (BPS : Book Value Per Share)	Đồng	31,310	32,541
4	Thị giá (MPS : Market Price Per Share)	Đồng	18,800	37,700
5	Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	4.47	7.54
6	Thu nhập trên cổ phần (EPS:Earning Per Share)	Đồng	1,679	2,910
7	Chỉ số P/E		11.20	12.95
8	Cổ tức được chia (DPS : Divident Per Share) (12%)	Đồng	18,504,938,400	-
9	Tạm ứng cổ tức (6%)	Đồng		9,252,469.200
VI	Những thay đổi về vốn cổ đông			
1	Vốn điều lệ :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	154,207,820,000	154,207,820,000
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng	0	0
	- Cuối năm	Đồng	154,207,820,000	154,207,820,000
2	Vốn thặng dư :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	302,726,583,351	302,726,583,351
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng	0	0
	- Cuối năm	Đồng	302,726,583,351	302,726,583,351

mx

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT năm 2013

STT	Họ và tên	24/02/2010	24/03/2011	24/03/2012	16/01/2013	16/12/2013
1	Jung Woo, Lee (đại diện Lotte)	5,953,000	5,953,000	5,953,000	5,953,000	6,638,810
2	Trương Phú Chiến	75,195	75,195	114,075	118,075	118,075
3	Võ Ngọc Thành	250,000	250,000	289,000	302,500	302,500
4	Jeong Hoon Cho (đại diện Lotte)	0	0	0	0	
5	Nguyễn Ngọc Hòa	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	6,328,142	6,328,142	6,356,075	6,373,575	7,059,385

b. Cơ cấu cổ đông:

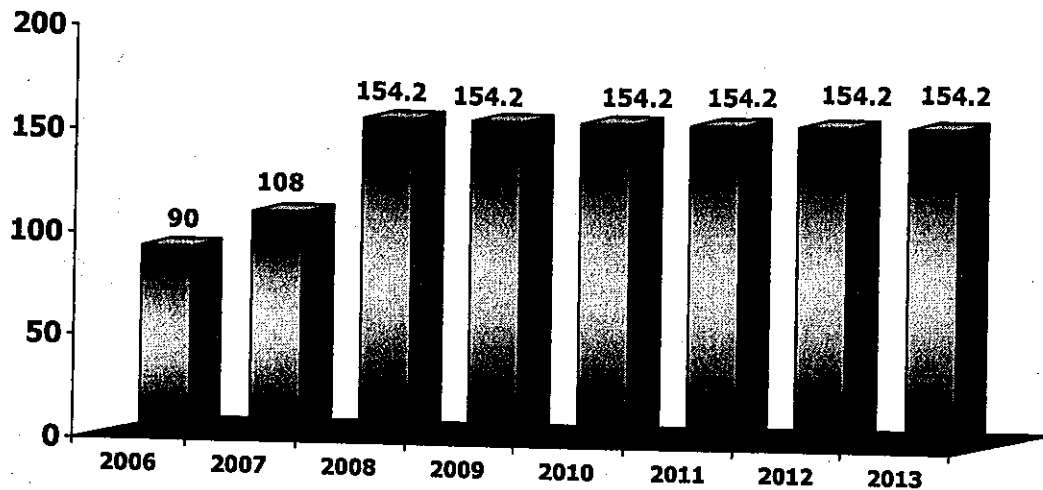
Tổng số CP	Cá nhân		Tổ chức		Tổng Số lượng		Tổng số CP	Tỷ lệ
	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký		
Trong nước	26,538	2,963,018	0	4,936,473	26,538	7,899,491	7,926,029	51%
Nước ngoài	0	526,239	4,650,000	2,318,514	4,650,000	2,844,753	7,494,753	49%

c. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn:

Stt	Họ tên người sở hữu chứng khoán	Số lượng chứng khoán nắm giữ đến 16/12/2013	Tỷ lệ
1	LOTTE CONFECTIONERY CO.,LTD	6,638,810	43.0%
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	3,081,020	20.0%
3	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đường Mặt Trời	1,830,460	11.8%
4	Lương Thị Thùy Liên	423,290	2.7%
5	Võ Ngọc Thành	302,500	2.0%
6	POLUNIN DISCOVERY FUNDS-FRONTIER MARKETS FUND	224,620	1.5%
7	Vũ Hòa Bình	209,880	1.4%
8	Kim Heung Soo	181,322	1.2%
9	Nguyễn Thị Kim Liên	171,650	1.1%
	Nguyễn Tuệ Minh	147,660	1.0%
10	Trương Phú Chiến	118,075	0.8%
11	Nguyễn Hữu Tùng	96,900	0.6%
12	Châu Vinh Quang	72,034	0.5%

Tổng số cổ phần phổ thông: 15,420,782 cổ phần.

d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả kinh doanh năm 2013 Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Trong đó doanh thu thuần 1052,9 tỉ đạt 104,1% kế hoạch, tăng trưởng 13,3% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế 44,9 tỉ đạt 114% kế hoạch, tăng trưởng 73,3% so với năm 2012.
- Kết quả trên có được là nhờ:
 - ✓ Sớm có giải pháp củng cố và ổn định đội ngũ bán hàng, đặc biệt đội ngũ bán hàng miền bắc.
 - ✓ Có chiến lược kinh doanh vụ trung thu, vụ tết hợp lý góp phần gia tăng doanh số quý 3 và quý 4.
 - ✓ Có giải pháp kiểm soát tồn kho nguyên vật liệu và tồn trữ nguyên liệu chính hợp lý.
 - ✓ Kiểm soát tốt chi phí trong sản xuất thông qua việc áp dụng chính sách khoán lương theo sản phẩm, thực hiện đánh giá, phân tích định kỳ tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất.

mm

- Thực hiện các chỉ tiêu năm tài chính 2013

- Dvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2013	HL	Năm 2013	Tỷ trọng
1. DT bán hàng và cung cấp dv (Triệu)	1,046,000		1,059,258	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	7,297		6,296	
3. DT thuần bán hàng và cung cấp DV:	1,038,703		1,052,962	
4. Giá vốn hàng bán:	730,923	70.4%	721,264	68.5%
5. Lợi nhuận gộp:	307,781	29.6%	331,698	31.5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	2,300	0.2%	3,235	0.3%
7. Chi phí tài chính:	4,041	0.4%	-166	0.0%
Trong đó: Chi phí lãi vay	412	0.0%	167	0.0%
8. Chi phí bán hàng:	215,586	20.8%	233,713	22.2%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	46,730	4.5%	42,881	4.1%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	43,723	4.2%	58,504	5.6%
11. Thu nhập khác:	2,604	0.3%	4,364	0.4%
12. Chi phí khác:	1,800	0.2%	5,565	0.5%
13. Lợi nhuận khác:	804	0.1%	-1,200	-0.1%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	44,527	4.3%	57,304	5.4%
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	5,146	0.5%	13,221	1.3%
Tổng chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp:	5,146	0.5%	12,424	1.2%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN:	39,381	3.8%	44,880	4.3%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	2,554		2,910	

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tài sản hữu hình: Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 107.745.750.331 VND (tại ngày 31/12/2012 là 97.298.282.483 VND).
- Tài sản vô hình: Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá tài sản cố định khấu hao đã hết vẫn còn sử dụng là 1.475.645.108 VND

b. Tình hình nợ phải trả

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu không đáng kể chỉ chiếm 0,5% công nợ
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng lớn do Công ty có nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu đảm bảo nguồn cho nhập khẩu nguyên liệu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Triển khai giao chỉ tiêu, đánh giá hiệu quả công việc và trả lương KPI cho các cấp từ trưởng bộ phận trở lên
- Áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm cho các cấp từ trưởng ca trở xuống tại các nhà máy

muc

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng phát triển năm 2014:

- Theo những đánh giá và nhận định gần đây cho thấy Chính phủ tiếp tục và kiên trì thực hiện giải pháp ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Dự báo tăng trưởng GDP 5,5%, lực cầu nội địa vẫn phải chịu nhiều áp lực với tỷ lệ nợ xấu cao. Lạm phát được dự báo ở mức từ 7,5% - 8%. Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ gây áp lực lên giá và làm tăng nhu cầu nhập khẩu.
- Tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, vụ tết năm 2014 – 2015 sẽ rơi trọng tâm vào tháng 01.2015, Do vậy Công ty chỉ đặt mục tiêu tăng trưởng về doanh số là 1250 tỉ đồng, tăng 19% so với năm 2013. Trong đó sẽ tập trung rà soát phát triển các nhãn hàng chủ lực có mức doanh dự báo trên 100 tỷ, và:
- Tiếp tục phát triển thị trường nội địa của Bibica với mục tiêu:
 - Thị phần nội địa BBC: Chiếm 11%, tăng 1% thị phần bánh kẹo so với năm 2013.
 - Xây dựng kênh bán hàng dinh dưỡng chuyên tại 6 thành phố lớn
 - Cùng cố và phát triển kênh bán hàng trực tiếp và bánh mì
 - Xây dựng 666 shop Bibica
 - Phục hồi thị trường Campuchia và phát triển thị trường Myanmar
 - Xây dựng chính sách công nợ cho NPP thông qua hình thức thấu chi hoặc bảo lãnh ngân hàng

Kế hoạch đầu tư năm 2014

Sr	Hạng mục	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
I	Các dự án 2013 chuyển sang năm 2014	200.408,3	
1	Dự án Hưng Yên giai đoạn 1	200.097,5	Dây chuyền bánh 20 tấn/ngày
2	Nâng cấp ERP	310,8	
II	Các dự án đầu tư mới năm 2014	17.756,2	
1	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin an toàn dữ liệu	2.323,0	Công suất 9 tấn hơi/h-12 bar Tăng công suất từ 10 tấn lên 12 tấn/ngày.
2	Dự án lò hơi đốt ghi củi trấu	5.290,0	
3	Dự án mở rộng công suất dc Hura NMMĐ	10.143,2	
III	Các thiết bị lẻ đầu tư năm 2013	13.364,5	
	Tổng cộng	231.529,0	

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	CP/DT	KH 2014	CP/DT
1. DT bán hàng và cung cấp dv (Triệu)	1,059,258		1,256,000	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	6,296		6,000	
3. DT thuần bán hàng và cung cấp DV:	1,052,962		1,250,000	
4. Giá vốn hàng bán:	721,264	68.5%	872,579	69.8%
5. Lợi nhuận gộp:	331,698	31.5%	377,421	30.2%
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	3,235	0.3%	1,421	0.1%
7. Chi phí tài chính:	-166	0.0%	2,366	0.2%
Trong đó: Chi phí lãi vay	167	0.0%	1,166	0.1%
8. Chi phí bán hàng:	233,713	22.2%	259,190	20.7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	42,881	4.1%	52,954	4.2%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	58,505	5.6%	64,332	5.1%
11. Thu nhập khác:	4,364	0.4%	3,690	0.3%
12. Chi phí khác:	5,565	0.5%	2,170	0.2%
13. Lợi nhuận khác:	-1,201	-0.1%	1,520	0.1%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	57,304	5.4%	65,852	5.3%
15. Thuế thu nhập dn hiện hành:	13,221	1.3%	13,170	1.1%
Tổng chi phí thuế thu nhập DN:	12,424	1.2%	13,170	1.1%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN:	44,880	4.3%	52,681	4.2%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	2,899		3,403	

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Nhiệm kỳ năm 2013

STT	Họ và tên	Năm 2013	Chức vụ
I	Hội Đồng Quản Trị	05 thành viên	
1	Jung Woo, Lee	Chủ tịch	Kiêm Tổng Giám Đốc từ 01/03/2008
2	Trương Phú Chiến	Phó Chủ tịch	
3	Võ Ngọc Thành	Thành viên	
4	Jeong Hoon Cho	Thành viên	
5	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	Thành viên độc lập
II	Ban kiểm soát	03 thành viên	
1	Vũ Cường	Thành viên	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	
3	Hur Jin Kook	Thành viên	

ruk

- HĐQT bổ nhiệm Ông Jung Woo, Lee làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Cty Cổ phần Bibica kể từ ngày 28/03/2009.
- HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Phú Chiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ phần Bibica kể từ ngày 01/03/2008. HĐQT tái bổ nhiệm Tổng Giám Đốc nhiệm kỳ từ 2011-2013.

b. Thù lao HĐQT:

Trong năm 2013, số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên, tổng mức thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên Lần 02 năm 2013 là 1,5% lợi nhuận sau thuế. Căn cứ kết quả báo cáo kiểm toán tài chính năm 2013 lợi nhuận sau thuế của Công ty là 44,880,175,418 đồng, tổng mức thù lao cho các thành viên HĐQT là 1,5% tương đương 673,202,631 đồng/năm.

Tổng thù lao thành viên HĐQT đã thực hiện trong năm 2013 là:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ thù lao	Thù lao HĐQT năm 2013	Ứng dụng năm 2013	Thù lao năm 2013 còn lại
1	Jung Woo Lee	Chủ tịch	30%	201,960,789	36,026,386	165,934,404
2	Trương Phú Chiến	Phó chủ tịch	25%	168,300,658	28,306,446	139,994,212
3	Jeong Hoon Cho	Thành viên	15%	100,980,395	18,013,193	82,967,202
4	Võ Ngọc Thành	Thành viên	15%	100,980,395	18,013,193	82,967,202
5	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	15%	100,980,395	18,013,193	82,967,202
	TỔNG			673,202,631	118,372,410	554,830,221

c. Thù lao Ban kiểm soát

Số thành viên của Ban kiểm soát là 03 người. Theo Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên Lần 02 năm 2013, mức thù lao: 15,000,000đồng/tháng/3 thành viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao / tháng	Thù lao BKS năm 2013	Chức vụ
1	Vũ Cường	Thành viên	5,000,000	60,000,000	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	5,000,000	60,000,000	
3	Hur Jin Kook	Thành viên	5,000,000	60,000,000	
	TỔNG		15,000,000	180,000,000	

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Uỷ quyền cho người không tham dự
1	Jung Woo Lee	CT. HĐQT	07	100%	
2	Trương Phú Chiến	P.CT HĐQT	07	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành Viên	05	60%	Ủy quyền cho Mr. Chiến (02)
4	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành Viên	05	60%	Ủy quyền cho Mr. Chiến (01) Ủy quyền cho Mr. Thành (01)
5	Jeong Hoon Cho	Thành Viên	0	0%	Ủy Quyền Mr Lee 05 (CT. HĐQT)

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: Hiện có 1 trong 5 thành viên tham gia điều hành Công ty. Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.
- Tổng giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của công ty. Từ những thông tin này HĐQT có điều kiện tham gia giám sát chặt chẽ và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có. (Trong năm 2013, HĐQT có NQ đổi tên Ban Kiểm Soát Lạm Thời thành Tiểu Ban Giúp việc cho HĐQT, có nên xem xét đưa nội dung này vào Báo cáo).

e. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị (Tất cả NQ phát sinh trong năm 2013):

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	000091/NQ-HĐQT	07/01/2013	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ Bất thường 2013
02	000154/QĐ-HĐQT	01/02/2013	Không tổ chức ĐHĐCĐ Bất thường ngày 05/02/2013
03	000213/QĐ-HĐQT	19/03/2013	Không tổ chức ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/04/2013
04	000678/QĐ-HĐQT	10/07/2013	Chọn AASC là đơn vị kiểm toán BCTC bán niên 06 tháng năm 2013
06	000721/QĐ-HĐQT	24/07/2013	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 2012
06	000744/NQ-HĐQT	26/07/2013	Hủy việc Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 2012

mu

07	000816/NQ-HĐQT	13/08/2013	Thông qua phương án triển khai dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc
08	NQ 000823	14/08/2013	Thông qua các vấn đề tại cuộc họp HĐQT mở rộng ngày 13/08/2012
09	000928/NQ-HĐQT	18/09/2013	Kế hoạch thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN 2013 lần 02
10	000936/NQ-HĐQT	19/09/2013	Đổi tên BKS Lâm thời thành Tiểu bang giúp việc của HĐQT
11	0001021/NQ-HĐQT	30/10/2013	Chi trả cổ tức năm 2012 và tạm ứng cổ tức 2013 bằng tiền
12	001169/NQ-HĐQT	13/12/2013	Chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AASC**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Cơ sở ý kiến:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bibica tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền

me

tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 34 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả về dây chuyền bánh Lotte Pie thuộc Công ty con - Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông đã bị hỏa hoạn ngày 15/05/2011, tài sản hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí TP. Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản với giá trị tài sản được bảo hiểm 220 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được bồi thường theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm tuy nhiên vẫn chưa đi đến sự thống nhất, Công ty đã nộp đơn khởi kiện PVI lên Tòa kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh để giải quyết. Công ty đang chờ bản án từ Tòa án làm cơ sở ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh có liên quan, khoản chênh lệch giữa giá trị tổn thất và giá trị đền bù sẽ được Công ty ghi nhận như một khoản thu nhập hoặc chi phí vào kết quả kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Cũng liên quan đến vụ hỏa hoạn này, khoản thuế GTGT không được khấu trừ và giá trị hàng tồn kho bị tổn thất với tổng giá trị 4,39 tỷ đang được Công ty phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 36 tháng kể từ tháng 09 năm 2012.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG-CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Giá trị VND	
			31/12/2013	01/01/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		450,597,209,193	376,745,058,329
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	151,707,165,726	49,471,255,612
111	1. Tiền		36,637,251,236	27,471,255,612
112	2. Các khoản tương đương tiền		115,069,914,490	22,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16,814,849,332	2,851,249,601
121	1. Đầu tư ngắn hạn		19,897,513,746	8,957,906,315
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3,082,664,414)	(6,106,656,714)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		191,465,624,100	197,275,253,686
131	1. Phải thu khách hàng		45,620,756,135	47,682,655,439
132	2. Trả trước cho người bán		398,060,568	3,846,164,790
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		0	0
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		0	0
135	5. Các khoản phải thu khác	5	151,487,375,699	151,702,925,981
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(6,040,568,302)	(5,956,492,524)
140	IV. Hàng tồn kho	7	87,595,585,182	120,092,660,181
141	1. Hàng tồn kho		90,251,456,778	122,346,015,582
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2,655,871,596)	(2,253,355,401)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3,013,984,853	7,054,639,249
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2,554,734,730	1,695,278,424

152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	3,990,300,525
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	24,732,746	707,894,068
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	434,517,377	661,166,232
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		357,696,823,870	391,632,921,033
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			0
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			0
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			0
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			0
218	4. Phải thu dài hạn khác	0		0
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			0
220	II. Tài sản cố định		339,988,129,671	373,552,907,110
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	304,232,125,541	325,847,392,497
222	- Nguyên giá		577,464,478,101	565,065,524,339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(273,232,352,560)	(239,218,131,842)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	1,425,368,987	1,828,495,221
228	- Nguyên giá		4,065,288,785	4,176,795,852
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2,639,919,798)	(2,348,300,631)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	34,330,635,143	45,877,019,392
240	III. Bất động sản đầu tư			0
241	- Nguyên giá			0
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			0
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14		0
251	1. Đầu tư vào công ty con			0
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			0
258	3. Đầu tư dài hạn khác			0
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			0
260	V. Tài sản dài hạn khác		17,708,694,199	18,080,013,923
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	16,911,976,305	18,080,013,923
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		796,717,894	-
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		808,294,033,063	768,377,979,362

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Giá trị (VNĐ)	
			31/12/2013	01/01/2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3,215,418,001,860	189,326,436,737
310	I. Nợ ngắn hạn		211,942,385,860	187,574,820,737
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	474,263,076	1,201,997,681
312	2. Phải trả người bán		68,005,785,459	81,797,110,420
313	3. Người mua trả tiền trước		3,987,574,542	6,051,848,179
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	15,140,423,415	11,691,953,680
315	5. Phải trả người lao động		6,929,373,518	5,641,268,612

mm

316	6. Chi phí phải trả	18	75,452,891,862	39,906,938,005
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	40,657,794,748	40,630,572,283
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,294,279,240	653,131,877
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		0	0
330	II. Nợ dài hạn		1,470,616,000	1,750,616,000
331	1. Phải trả dài hạn người bán			0
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			0
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	1,470,616,000	1,750,616,000
334	4. Vay và nợ dài hạn			0
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			0
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			0
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			0
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ			0
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		594,881,031,203	579,052,542,625
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	594,881,031,203	579,052,542,625
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		154,207,820,000	154,207,820,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302,726,583,351	302,726,583,351
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			0
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			0
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		90,122,557,514	85,330,469,603
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		12,856,710,622	11,562,431,382
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34,967,359,716	25,225,238,289
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB			0
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		0	0
432	2. Nguồn kinh phí		0	0
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		808,294,033,063	768,377,979,362

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
STT	Chỉ tiêu		Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản thuê ngoài		0	0
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		0	0
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		0	0
005	5. Ngoại tệ các loại		0	0
005a	- Đô la Mỹ		189,621.88	383,254.02
005b	- Đồng tiền chung Châu Âu		787.50	14,640.07

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

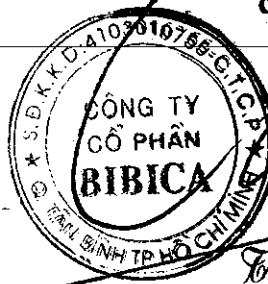
Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giá trị (VNĐ)	
			Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1,059,258,875,844	938,970,158,431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	6,296,256,821	9,316,962,686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	1,052,962,619,023	929,653,195,745
4. Giá vốn hàng bán	11	25	721,264,092,735	664,229,356,533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		331,698,526,288	265,423,839,212
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3,235,685,123	1,697,142,838
7. Chi phí tài chính	22	27	(166,055,238)	(439,767,877)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		167,228,979	388,205,421
8. Chi phí bán hàng	24	28	233,713,956,801	191,289,446,460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	42,881,468,314	47,319,091,617
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58,504,841,534	28,952,211,850
11. Thu nhập khác	31		4,364,924,649	7,668,865,489
12. Chi phí khác	32		5,565,208,433	4,157,077,199
13. Lợi nhuận khác	40		(1,200,283,784)	3,511,788,290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57,304,557,750	32,464,000,140
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	13,221,100,226	6,578,415,349
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(796,717,894)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		44,880,175,418	25,885,584,791
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2,910	3,303

CHỈ TIÊU	Mã số	Giá trị (VNĐ)	
		Năm 2013	Năm 2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	57,304,557,750	32,464,000,140
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	40,775,275,493	41,428,502,233
Các khoản dự phòng	03	(2,537,400,327)	(1,735,271,390)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7,980,429	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,108,508,959)	(2,637,545,516)
Chi phí lãi vay	06	167,228,979	388,205,421
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93,609,061,365	69,907,890,888
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10,924,940,515	35,756,084,624
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	32,094,558,804	142,380,024
Tăng, giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	21,776,721,432	(21,836,426,760)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	400,398,432	(4,042,499,615)

Tiền lãi vay đã trả	13	(167,228,979)	(388,205,421)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10,122,886,932)	(5,690,956,328)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,275,788,786	3,014,616,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(939,331,877)	(7,618,800,404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	151,852,021,546	69,244,083,008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7,911,179,880)	(71,463,015,927)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	163,627,274	1,817,727,276
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15,000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6,440,590,834
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6,440,590,834
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,571,559,441	1,397,056,735
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(21,175,993,165)	(61,807,641,082)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	770,330,010	11,749,504,194
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,498,064,615)	(11,423,642,259)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27,728,443,620)	(18,602,623,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28,456,178,225)	(18,276,761,065)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	102,219,850,156	(10,840,319,139)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	49,471,255,612	60,321,483,966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	16,059,958	(9,909,215)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	151,707,165,726	49,471,255,612

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty



Trương Phú Chiến

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2013

- Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ hiện hành của công ty Bibica
- Căn cứ vào Báo cáo Quyết toán hợp nhất năm 2013

I. Đánh giá khái quát về tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh 2013:

Nhìn chung, trong năm 2013, HĐQT và BDH của Công ty Cổ phần Bibica (BBC) đã thực hiện theo các quy định của Điều lệ công ty, và không có trường hợp nào vi phạm điều lệ và nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

Khó khăn:

- Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn với nền kinh tế và các doanh nghiệp ngành bánh kẹo khi mà các khó khăn của thị trường tài chính, tiền tệ trong khu vực ngân hàng và ngành Bất động sản vẫn đè nặng lên các ngành sản xuất. Từ đó, kéo theo sức cầu tiêu dùng giảm. Ở thị trường quốc tế, nhiều nền kinh tế vẫn chịu áp lực bị suy thoái và các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil ... đều có nguy cơ giảm mức độ tăng trưởng, và thậm chí rơi vào suy thoái.
- GDP của Việt Nam kết thúc năm 2013 tăng trưởng 5,4%, ở mức thấp trong vòng 4 năm gần đây, dù có cải thiện hơn chút ít so với 2012. Trong khi đó, CPI ở mức 6,08% so với 6.81% của 2012, cũng tạo ra quan ngại cho khả năng giảm phát của nền kinh tế, khi mà sức cầu chung kém đi.
- Cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, bánh kẹo nhập ngoại tăng trưởng cao với tâm lý chuộng ngoại của người tiêu dùng, gay gắt nhất vẫn là phân khúc dòng sản phẩm cao cấp.
- Chi phí phục hồi dây chuyền Lotte Piê do hỏa hoạn tháng 5/2011 rất lớn (Khoảng 154 tỷ đồng) đến nay vẫn chưa được Bảo hiểm PVI chấp thuận bồi thường, làm ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn và chi phí tài chính của Công ty trong năm 2013, đặc biệt trong các kế hoạch đầu tư lớn. Mức chênh lệch sau khi thương thảo bồi thường (nếu phát sinh) sẽ còn có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014.
- Nửa đầu năm 2013, Công ty chịu ảnh hưởng nhiều vì sự biến động đội ngũ bán hàng, đặc biệt là bán hàng miền Bắc (Nghỉ việc 38 người: trong đó ASM 1, ASM 5, GSBH 32 người). Việc thay mới đội ngũ bán hàng Miền bắc đã làm chi doanh thu của BBC vào nửa đầu 2013 bị ảnh hưởng doanh thu Quý 2 / 2013 giảm 9.3% so với cùng kỳ.
- Trong suốt năm 2013 Trong các kỳ họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã không đề cập, thảo luận về định hướng đầu tư dự án Hưng yên giai đoạn 1. Việc chưa quyết định được đầu tư sản phẩm gì, và mức đầu tư ra sao với dự án của công ty ở miền Bắc đã làm chậm lại tiến độ đầu tư của dự án mặc dù Công ty đã phải tốn gần 30 tỷ chi phí để có được hiện trạng hạ tầng dự án như hiện tại.
- Cơ sở vật chất cho hoạt động R&D còn nghèo nàn, và chưa có nhiều sản phẩm thực chất từ R&D trong 2013. Hoạt động R&D vẫn còn nhiều cơ hội để phát triển.
- Hoạt động Marketing chưa được tổ chức bài bản, thành hệ thống, mà vẫn tiến hành khá rời rạc, chưa khoa học.

- Hoạt động cung ứng của cả hệ thống còn chậm, và còn phản ứng chưa linh hoạt khi yêu cầu thị trường thay đổi. Cuối năm 2013, khi nhu cầu thị trường cho một số dòng bánh kẹo và sản phẩm tăng cao đột biến, cả hệ thống của công ty đã phải rất vất vả để đáp ứng nhu cầu đó, nên không hoàn toàn tận dụng được cả cơ hội tốt để tối ưu hóa lợi nhuận.

Thuận lợi:

- Trong nửa cuối năm 2013, Công ty đã kịp thời khôi phục lại hoạt động bán hàng sau những khó khăn về đội ngũ và tổ chức của đội bán hàng miền Bắc. Đội ngũ bán hàng với lãnh đạo mới đã nhanh chóng ổn định và bước đầu giúp công ty “vá” dần các lỗ hổng của mạng lưới bán hàng. Doanh thu nửa cuối 2013 tăng 20.36% so cùng kỳ.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định, trong năm 2013 Công ty tiếp tục nhận được hạn mức nhập khẩu đường 1500 tấn, với giá bình quân nhập về thấp hơn giá đường nội địa 15%, và công ty đã áp dụng thành công chính sách khoán lương sản phẩm góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận so với năm 2012.
- Lãi suất giảm và tình hình tài chính công ty lành mạnh hơn khi công ty kiên quyết xử lý các khoản phải thu, nợ đọng trước kia, và xây dựng chính sách thu tiền chặt chẽ hơn với các nhà phân phối. Phần lớn các đơn hàng của Công ty đều được thực hiện khi công ty đã gần như nắm một phần hoặc rất chắc chắn khả năng thanh toán tiền của đối tác.

II. Tình hình thực hiện Kế hoạch doanh và Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

2013

1. Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh 2013:

Chỉ tiêu	KH 2013	TL	Năm 2013	Tỷ trọng
1. DT bán hàng và cung cấp dv (Triệu)	1,046,000		1,059,258	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	7,297		6,296	
3. DT thuần bán hàng và cung cấp DV	1,038,703		1,052,962	
4. Giá vốn hàng bán:	730,923	70.4%	721,264	68.5%
5. Lợi nhuận gộp:	307,781	29.6%	331,698	31.5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	2,300	0.2%	3,235	0.3%
7. Chi phí tài chính:	4,041	0.4%	-166	0.0%
Trong đó: Chi phí lãi vay	412	0.0%	167	0.0%
8. Chi phí bán hàng:	215,586	20.8%	233,713	22.2%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	46,730	4.5%	42,881	4.1%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	43,723	4.2%	58,504	5.6%
11. Thu nhập khác:	2,604	0.3%	4,364	0.4%
12. Chi phí khác:	1,800	0.2%	5,565	0.5%
13. Lợi nhuận khác:	804	0.1%	-1,200	-0.1%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44,527	4.3%	57,304	5.4%
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	5,146	0.5%	13,221	1.3%
Tổng chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp:	5,146	0.5%	12,424	1.2%
17. Lợi nhuận sau thuế FNDD	39,381	3.8%	44,880	4.3%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	2,554		2,910	

(Theo Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán độc lập 2013)

2. Tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHCĐ:

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 Lần 02, HĐQT đã triển khai thực hiện:

- *Nội dung 01:* Đã thông qua báo cáo tài chính năm 2012
- *Nội dung 02:* Đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận 2012 theo nghị quyết ĐHCĐ
- *Nội dung 03:* Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2013 (Theo Nghị Quyết ĐHCĐ năm 2013)
- *Nội dung 04:* Đã thực hiện các hạng mục sau (Xem ở mục III. Các hạng mục đầu tư chính của BBC trong 2013)
- *Nội dung 05:* Đã thực hiện tạm hoãn việc bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty đến kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất và sớm nhất để công tác được chuẩn bị tốt hơn.
- *Nội dung 06:* Đã thực hiện tạm hoãn việc bầu Thành viên HĐQT đến kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất và sớm nhất để công tác được chuẩn bị tốt hơn.
- *Nội dung 07:* Đã thực hiện bầu mới toàn bộ 03 thành viên Ban Kiểm Soát
- *Nội dung 08:* HĐQT và BKS đã lựa Chọn công ty AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013
- *Nội dung 09:* Thù lao HĐQT: 1,5% lợi nhuận sau thuế cho 5 thành viên, đã thực hiện xong
- *Nội dung 10:* Đã thực hiện thù lao BKS: 15.000.000 đồng/tháng/03 thành viên

Để thực hiện cho các nội dung trên của ĐHCĐ, trong năm 2013, HĐQT đã tiến hành đưa ra 12 Nghị Quyết như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	000091/NQ-HĐQT	07/01/2013	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ Bất thường 2013
02	000154/QĐ-HĐQT	01/02/2013	Không tổ chức ĐHCĐ Bất thường ngày 05/02/2013
03	000213/QĐ-HĐQT	19/03/2013	Không tổ chức ĐHCĐ thường niên ngày 20/04/2013
04	000678/QĐ-HĐQT	10/07/2013	Chọn AASC là đơn vị kiểm toán BCTC bán niên 06 tháng năm 2013
06	000721/QĐ-HĐQT	24/07/2013	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 2012
06	000744/NQ-HĐQT	26/07/2013	Hủy việc Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 2012

07	000816/NQ-HĐQT	13/08/2013	Thông qua phương án triển khai dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc
08	NQ 000823	14/08/2013	Thông qua các vấn đề tại cuộc họp HĐQT mở rộng ngày 13/08/2012
09	000928/NQ-HĐQT	18/09/2013	Kế hoạch thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN 2013 lần 02
10	000936/NQ-HĐQT	19/09/2013	Đổi tên BKS Lâm thời thành Tiểu bang giúp việc của HĐQT
11	0001021/NQ-HĐQT	30/10/2013	Chi trả cổ tức năm 2012 và tạm ứng cổ tức 2013 bằng tiền
12	001169/NQ-HĐQT	13/12/2013	Chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013

III. Tình hình đầu tư trong năm 2013

1. Các hạng mục đầu tư

Trong năm 2013, Công ty đã tiến hành đầu tư các hạng mục sau:

- Hoàn tất dự án đầu tư thiết bị mở rộng công suất sản xuất kẹo dẻo từ 40 lên 80 tấn/tháng tại Nhà Máy Bibica Biên Hoà. Tháng 6/2012 đã nâng công suất từ 40 lên 60 tấn/tháng, đến tháng 3/2013 nâng công suất đạt 80 tấn/tháng.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống ERP từ R11 lên R12 đã đưa hệ thống vào vận hành chính thức từ ngày 1/1/2013.
- Đầu tư hệ thống cân tự động cho máy đóng túi kẹo nhằm thay thế hệ thống cũ đã xuống cấp chất lượng, hoạt động độ sai số cân máy đóng túi kẹo lớn và phụ tùng thế hệ cũ (trên 15 năm) nhập khẩu khó khăn giá rất cao, đồng thời cao nâng cao độ chính xác cân túi kẹo của Nhà Máy Bibica Biên Hoà và hạn chế khiếu nại khách hàng về sai số thiếu trong lượng túi kẹo.
- Đầu tư máy dò kim loại cho dây chuyền kẹo deposit của Nhà Máy Bibica Biên Hoà đáp ứng yêu cầu xuất khẩu sản phẩm kẹo cho khách hàng ở Nhật Bản.
- Đầu tư máy nén khí không dầu cho dây chuyền bánh Swissroll của Nhà Máy Bibica Biên Hoà để thay thế máy nén cũ không đáp ứng đảm bảo hoạt động an toàn cho sản xuất.
- Đầu tư máy dán- in date thùng hợp lý hoá sản xuất ở Nhà Máy Bibica Biên Hoà.
- Mua bán các thiết bị, dụng cụ lẻ khác.

2. Tổng hợp các hạng mục quyết toán trọng yếu trong 2013 (Đơn vị: đồng):

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm đầu tư	SL	Giá trị kế hoạch năm 2013	Giá trị thực hiện thực tế 2013
Hạng mục từ 2012 chuyển sang 2013					
1	Nâng cấp ERP	VPCT	1	1.819.100.000	1.347.057.000
2	Cải tạo tăng năng xuất kẹo dẻo tăng từ 40 lên 80 tấn/tháng	NMBH	1	3.580.500.000	3.580.456.000
Hạng mục đầu tư các thiết bị lẻ 2013					
1	Máy in date thùng	NMBH	4	210.000.000	76.698.000
2	Máy nén gió không dầu	NMBH	1	236.000.000	145.200.000
3	Máy lạnh 6HP	NMBH	1	60.000.000	48.500.000
4	Hệ thống cân máy đóng túi kẹo	NMBH	1	1.008.200.000	968.502.000
5	Tháp giải nhiệt 50RT	NMBH	1	70.000.000	60.000.000
7	Máy nén khí không dầu 10HP	NMBH	1	120.000.000	56.500.000
8	Máy dò kim loại	NMBH	1	285.000.000	285.000.000
9	Hệ thống giải nhiệt siro bánh dẻo	NMBH	1	49.400.000	49.450.000
10	Máy dán thùng	NMBH	1	42.000.000	35.700.000
11	Hệ thống tạo phòng áp suất dương phòng gói trung thu	NMBH	1	96.400.000	89.742.000

IV. Báo cáo Tài chính Hợp nhất 2013 và Giải trình một số vấn đề trong hoạt động của 2013

1. Báo cáo tài chính hợp nhất 2013

- Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo Báo cáo Hợp nhất đã được kiểm toán độc lập và đã được công bố.
- Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 và kết thúc ngày 31/12/2013.
- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung quyết định 15 của Bộ Tài chính.

2. Chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
I	<u>Khả năng sinh lời</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần	%	2.78	4.26
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	%	16.79	29.10
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	3.37	5.55
II	<u>Khả năng thanh toán</u>			

III	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.01	2.13
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.37	1.71
	<u>Hiệu quả hoạt động</u>			
IV	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	20.23	16,17
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	16.5	22.6
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5.51	6.95
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	2.59	3.08
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1.20	1.34
	<u>Cơ cấu vốn</u>			
V	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	24.64	26.40
	Hệ số nợ trên vốn cổ phần	%	122.77	138.39
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	%	0.30	0.25
	Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	84.62	343.67
VI	<u>Chứng khoán</u>			
	1 Cổ phiếu đang lưu hành	CP	15,420,782	15,420,782
1	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1,679	2,910
3	Chỉ số P/E		11.20	12.95
4	Cổ tức được chia (12%)	Đồng	18,504,938,400	-
4	Tạm ứng cổ tức (6%)	Đồng		9,252,469.200
1	Những thay đổi về vốn cổ đông			
	1 Vốn điều lệ :	Đồng		
2	Vốn thặng dư :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	302,726,583,351	302,726,583,351
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng	0	0
	- Cuối năm	Đồng	302,726,583,351	302,726,583,351

3. Giải trình một số khoản mục trong Báo Cáo Tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh trong 2013

TT	Các vấn đề chất vấn	Giá trị (tỷ VNĐ)	Giải thích chi tiết
01	Khoản nợ cán bộ công nhân viên và công đoàn	0,474	Công ty đã xử lý trả lại cán bộ công nhân viên vào năm 2013. Số tiền còn lại cuối năm 2013 là tiền của công đoàn gửi lại công ty và không phải trả lãi vay trong 02 tháng cuối năm.
02	Khoản chi phí bán hàng tăng cao ở mức 21.9% trong 2014 so với năm 2013, chủ yếu nằm ở chi phí dịch vụ mua ngoài (tăng 18.5%) và chi phí nhân công (tăng 29.6%) hoa hồng cho NPP tăng 38.4%, chi phí Trade MKT tăng 49.2%, chi	233,71	Tăng lương và thưởng cho đội ngũ bán hàng để gia tăng doanh số. Tăng chi phí hoa hồng, khuyến mại vào sản phẩm với các nhà phân phối.

	phí trung thu tăng 62.3%)		
03	Khoản chi phí phải trả tăng cao gần 100% giữa năm 2014 so với 2013	75,45	Đây là khoản chi phí bán hàng
04	Vấn đề Công nợ và Nợ xấu hiện tại ở BBC được quản lý và xử lý như thế nào?		Công ty có quy định ban hành phần công nợ. Hiện tại công nợ chậm ở BBC là khoảng 2.4 tỷ đồng, bao gồm cả khoản nợ đã ghi nhận dự phòng khoảng 0.5 tỷ.
05	Các khoản đầu tư tài chính và hướng xử lý đối với các khoản đầu tư tài chính trong thời gian tới là gì?		Tại thời điểm 31/12/2013 giá trị các khoản Đầu tư Tài chính 4.9 tỷ. Các khoản đầu tư này được tiến hành từ năm 2005. Khi đầu tư cũng đã xin ý kiến HĐQT và khi bán cũng xin ý kiến HĐQT theo một khung giá được HĐQT phê duyệt. BDH cũng chủ trương kết thúc phần đầu tư tài chính này sớm
06	Quy chế quản lý tài chính ở BBC chưa cập nhật.	n/a	Đang tiến hành làm dự thảo để trình HĐQT thông qua
07	Dự án của BBC Miền Bắc và các dự án khác hiện nay của BBC đang bị chậm chễ tiến độ	n/a	Đã trình báo cáo Kinh tế kỹ thuật và định hướng cho dự án nhưng HĐQT chưa đưa ra định hướng. BDH đưa ra đề xuất có 03 nhóm sản phẩm: crackers, cereals và cake. BDH đang vướng là không có cơ sở để tiến hành đầu tư tiếp. Bản thân Lotte cũng đề xuất đưa ra 5 SKUs nhưng BDH không thuyết phục, vì khả năng BDH không muốn bị giới hạn ở SKU cụ thể nào.
08	Tại sao việc bảo hiểm với PVI tiếp tục bị giải quyết rất chậm?	n/a	Hồ sơ đưa ra tòa, và qua 05 lần hòa giải từ 31/01/2013, nhưng 02 bên chưa thống nhất với nhau về phương pháp bồi thường vì vênh nhau về mức bồi thường rất lớn (~31 tỷ đồng chênh lệch). HĐQT cũng chưa có ý kiến cụ thể về vấn đề này mặc dù BDH đã có báo nhiều lần về hướng xử lý.
	Vấn đề Bông Bạch Tuyết: thu tiền của công ty Bông Bạch Tuyết rất chậm. Những khó	~9 tỷ (cả gốc 5 tỷ và lãi là khoảng 4 tỷ)	Công ty CP Bông Bạch Tuyết mới trả được khoảng 250 triệu đồng vì hoạt động công ty Bông Bạch Tuyết còn khó khăn

	khẩn là gì?		và tài sản thế chấp hết ở các ngân hàng.
	Tổng chi phí cho hoạt động R&D rất thấp, và chủ yếu là tiền lương trả công nhân viên? Quan điểm của Ban Điều Hành như thế nào? R&D hiện tại ở công ty đang nghèo nàn về danh mục sản phẩm, về trang thiết bị và các ý tưởng sáng tạo?		R&D nghiên cứu về định hướng: làm việc với Marketing, nhưng Marketing không có thông tin. R&D đi tham gia các hội trợ quốc tế hoặc các nhà cung cấp giới thiệu. Hàng năm đều có 02 danh mục: định hướng và triển khai Chi phí thấp vì chủ yếu làm ở văn phòng chứ không mở rộng ra ngoài để làm nghiên cứu. Chưa có ý tưởng đầu tư thiết bị vì chưa có cơ sở thí nghiệm gắn liền với sản xuất, hơn thế nữa phòng thí nghiệm hiện đại là tốn kém so với quy mô của công ty. Hiện tại, Công ty sau khi xác định đạt được một số tiêu chí trên sản xuất thì tiến hành thử nghiệm nhiều trên sản xuất.
	Vấn đề Marketing: Tổng chi phí cho hoạt động Marketing trong năm là bao nhiêu khoảng 28 tỷ, chiếm khoảng ~2.6% doanh số, một mức thấp so với một doanh nghiệp bánh kẹo. Tại sao ở BBC chưa có một chiến lược marketing tổng thể và cho từng dòng sản phẩm?	~28	Chỉ có 03 nhóm sản phẩm được làm Marketing lớn: Lotte Pie, Hura và Kẹo. Còn các dòng sản phẩm khác không đủ doanh số để tiến hành Marketing. Ban điều hành đánh giá cách thức marketing hiện tại.

V. Đánh giá và Kiến nghị của BKS

1. Đánh giá

- HĐQT hoạt động chưa hiệu quả. Cả năm duy nhất chỉ có một biên bản 000816 ngày 03/08/2013 có liên quan tới hoạt động kinh doanh của Bibica.
- Chi phí ứng trước 154 tỷ đồng khôi phục sản xuất làm thiệt hại rất lớn đến hoạt động SXKD của BBC trong năm 2012 (đến nay PVI mới thanh toán 35 tỷ đồng). Giá trị thương mại giảm đi do kinh doanh gián đoạn và chi phí sử dụng vốn tăng thêm ước khoảng 31 tỷ đồng (tính từ thời điểm hoàn thành công trình từ tháng 2/2012 tới 31/12/2013, theo cơ sở lãi suất 2012 và 2013 lần lượt là 15% và 7%)

- Hoạt động R&D còn yếu cần trang bị thêm thiết bị, bổ sung ngay người và nhân sự cũng như kinh phí hoạt động.
- Hoạt động Marketing yếu với chi phí cho Marketing là rất nhỏ (ít hơn 0.3%). Bên cạnh đó, công ty còn thiếu Chiến lược Marketing rõ ràng tổng thể và cho từng dòng sản phẩm chủ lực.
- Hoạt động cải tiến chất lượng Lotte Pie: Đã cải tiến chất lượng bánh, cải tiến Mashemallo, hoạt động trợ giúp bán hàng cho dòng bánh Pie nhỏ (chỉ có chương trình Trade MKT) từ đó dẫn đến doanh số dòng sản phẩm Pie chưa đạt được như kỳ vọng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Lotte Pie vẫn gặp nhiều khó khăn.

2. Kiến nghị

- Đề nghị Hội đồng quản trị họp định kỳ theo quý để đánh giá tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh và thảo luận về kế hoạch kinh doanh quý sau
- Đề nghị đẩy nhanh việc thương lượng với Bảo hiểm PVI để thu tiền bồi thường, giảm tối đa thiệt hại cho BBC và ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông.
- Tính toán các phương án để thu hồi sớm khoản tiền của Bông Bạch Tuyết để tránh nợ đọng vốn.
- Dự án Miền Bắc cần triển khai sớm trong Quý 2 năm 2014 nhằm tránh khả năng bị thu hồi, ảnh hưởng tới quyền lợi cổ đông
- Hoạt động Marketing cần triển khai song song với phát triển hoạt động bán hàng, với gia tăng chi phí phù hợp cho hoạt động Marketing cùng với xây dựng chiến lược tổng thể cho hoạt động Marketing và Marketing cho từng dòng sản phẩm.
- Đề nghị tiến hành quản lý chi phí bán hàng chặt chẽ, đặc biệt các chi phí chiết khấu NPP, Đại lý, Điểm bán.

Chúc đại hội cổ đông của Công ty CP Bibica thành công!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28/03/2014
Ban Kiểm Soát

